

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN N
TP. Đ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2019/HSST

Ngày: 28-01-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN N THÀNH PHỐ Đ**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông **Trần Công Hoan**

- ***Các Hội thẩm nhân dân:*** Ông **Huỳnh Bá Tiến**
Ông **Mai Văn Ba**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông **Đình Bạt Hào** – Thư ký Tòa án nhân dân quận N, TP. Đ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận N, TP. Đ tham gia phiên tòa:*** Ông **Phạm Xuân Thanh** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận N, TP. Đ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 04/2019/HSST ngày 11 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 01 năm 2019, đối với bị cáo:

HUỲNH THỊ T - Sinh năm: 1976 - Tại: TP. Đ..

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Tổ 02, phường M, quận S, TP. Đ.; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ văn hoá: 0/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Huỳnh Văn K (đã chết) và bà Mai Thị T (đã chết).; bị cáo có chồng là Ngô Tuấn T – Sinh năm 1978 và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2001, con nhỏ nhất sinh năm 2011.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang tại ngoại – Có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Bà **Lê Thị X** – SN: 1979

Trú tại: Tổ 15B, phường H, quận N, TP Đ – Vắng mặt.

Người làm chứng: Ông **Nguyễn Thế P** – SN: 1969

Trú tại: Tổ 23, phường H, quận N, TP Đ – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có ý định trộm cắp tài sản, khoảng 09 giờ ngày 27/10/2018, Huỳnh Thị T đến quầy bán quần áo của bà Lê Thị X tại Chợ phường H, quận N, TP. Đ giả vờ mua quần áo.

Lợi dụng lúc bà X lấy quần áo cho T xem, T đã trộm cắp của bà X 01 chiếc túi xách bằng da, màu nâu bên trong có 01 ĐTDĐ Iphone 5S màu vàng, 01 ĐTDĐ Iphone 6S màu hồng, 14.700.000đ, 155 Đô la Mỹ, 01 CMND và 01 thẻ ATM mang tên Lê Thị X để ở bàn trong quầy, rồi bỏ đi thì bà X phát hiện, truy hô bắt giữ T cùng với tang vật và báo Công an phường H, quận N, TP. Đ đến làm việc.

*** Tang vật tạm giữ của Huỳnh Thị T:** 01 túi xách bằng da, màu nâu bên trong có:

- 01 ĐTDĐ Iphone 5S màu vàng;
- 01 ĐTDĐ Iphone 6S màu hồng;
- 14.700.000 đồng;
- 155 Đô la Mỹ;
- 01 CMND và 01 thẻ ATM mang tên Lê Thị X.

Theo Bản Kết luận định giá tài sản số: 64 ngày 26/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự quận N kết luận: 01 ĐTDĐ hiệu Iphone 5S màu vàng có trị giá 1.000.000đ; 01 ĐTDĐ hiệu Iphone 6S màu hồng có trị giá 2.535.000đ; 155 Đô la Mỹ có trị giá 3.408.000đ Riêng chiếc túi xách bằng da, màu nâu chưa đủ cơ sở định giá.

Như vậy, tổng trị giá tài sản Huỳnh Thị T đã trộm cắp của bà Lê Thị X là 21.643.000.

Với nội dung trên, tại bản cáo trạng số: 06/CT-VKS-NHS ngày 11/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân quận N, TP. Đ thì bị cáo Huỳnh Thị T bị truy tố về tội: "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận N TP. Đ thực hành quyền công tố nhà nước vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố Huỳnh Thị T về tội danh như đã nói trên và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt Huỳnh Thị T từ 12 đến 15 tháng tù. Nhưng cho hưởng án treo

*** Về tang vật:** Ngày 14/11/2018, Cơ quan CSĐT Công an quận N đã trả lại 01 túi xách bằng da, màu nâu, 01 ĐTDĐ Iphone 5S màu vàng, 01 ĐTDĐ Iphone 6S màu hồng, 14.700.000đ, 155 Đô la Mỹ, 01 CMND và 01 thẻ ATM mang tên Lê Thị X cho bà Lê Thị X là đúng pháp luật.

*** Về phần dân sự:** Sau khi nhận lại toàn bộ tài sản, bà Lê Thị X không có yêu cầu gì thêm và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Huỳnh Thị T nên không đề cập đến.

Bị cáo nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 27/10/2018, tại quầy bán quần áo của bà Lê Thị X (Chợ Non Nước phường H, quận N, TP. Đ), Huỳnh Thị T đã có hành vi trộm cắp 01 túi xách bằng da, màu nâu bên trong có 01 ĐTDĐ Iphone 5S màu vàng, 01 ĐTDĐ Iphone 6S màu hồng, 14.700.000đ, 155 Đô la Mỹ, 01 CMND và 01 thẻ ATM mang tên Lê Thị X của bà Lê Thị X. Tổng trị giá mà Huỳnh Thị T đã trộm cắp là 21.643.000đ.

Hành vi nêu trên của bị cáo Huỳnh Thị T đã xâm hại đến khách thể là quyền sở hữu của người khác về tài sản được pháp luật bảo vệ, phạm vào tội: "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự như cáo trạng số 06/CT-VKS-NHS ngày 11/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân Quận N đã truy tố và đề nghị mức hình phạt như trên đối với bị cáo là đúng người, đúng tội và có căn cứ pháp luật.

[1] Xét tính chất vụ án, hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy:

Huỳnh Thị T là người đã có gia đình và có 03 con còn nhỏ. Lẽ ra, ở bị cáo phải cố gắng lao động giúp đỡ gia đình và phấn đấu trở thành công dân có ích cho xã hội để các con noi theo. Nhưng bị cáo đã không làm được điều đó và muốn thỏa mãn nhu cầu cá nhân bằng thành quả lao động của người khác nên bị cáo đã đi vào con đường phạm tội. Trong vụ án, bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của người bị hại, trộm cắp 01 túi xách bằng da, màu nâu bên trong có tổng trị giá tài sản là 21.643.000đ của bà Lê Thị X.

Hành vi của bị cáo không những gây thiệt hại về tài sản cho người bị hại mà còn làm mất trật tự an ninh tại địa phương. Hội đồng xét xử xét thấy cần xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra mới có tác dụng giáo dục đối với bị cáo và răn đe đối với toàn xã hội.

Song xét thấy, bị cáo phạm tội lần đầu Tộc trưởng hợp ít nghiêm trọng, tài sản trộm cắp đã được T hồi toàn bộ và người bị hại cũng có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo có 03 con còn nhỏ; tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên cần áp dụng điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 BLHS để xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt mà lẽ ra bị cáo phải chịu.

Từ những nhân định trên, HĐXX xét thấy không cần thiết phải xử cách ly bị cáo ra ngoài xã hội mà cần áp dụng Điều 65 BLHS tạo điều kiện cho bị cáo được cải tạo tại địa phương thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với bản thân bị cáo cũng là thỏa đáng.

[2] Về tang vật: Ngày 14/11/2018, Cơ quan CSĐT Công an quận N đã trả lại toàn bộ tài sản cho Lê Thị X là đúng pháp luật nên HĐXX không đề cập đến.

[3] Về phần dân sự: Sau khi nhận lại toàn bộ tài sản, bà Lê Thị X không có yêu cầu gì thêm nên HĐXX không xem xét..

[4] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố xét xử: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các Cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự và những người tham gia tố tụng không có ý kiến khiếu nại gì nên HĐXX không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố: Bị cáo Huỳnh Thị T phạm tội: " *Trộm cắp tài sản*"

Căn cứ: Khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự

Xử phạt: Bị cáo Huỳnh Thị T 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 24 tháng kể từ ngày tuyên án, ngày 28/01/2019.

Giao bị cáo về Ủy ban nhân dân phường M, quận S, TP Đ quản lý, giáo dục trong suốt thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi làm việc thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án cho hưởng án treo.

[2] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho những người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa biết, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Riêng những người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao án hợp lệ.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA